

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến hết 31/03/2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo tài chính	
- Bảng cân đối kế toán	[5] - [7]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[8]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[9]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[10] - [30]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thăng Long GTC (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

- Bà Nguyễn Thị Nga
- Ông Phạm Quang Thanh
- Ông Nguyễn Thái Dũng
- Ông Lê Văn Tần
- Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Chức vụ:

- Chủ tịch HĐQT
- Phó Chủ tịch HĐQT
- Thành viên
- Thành viên
- Thành viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

- Ông Tạ Minh Hùng
- Ông Nguyễn Thái Dũng
- Bà Dương Thị Lam

Chức vụ:

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng giám đốc
- Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

- Bà Trần Thị Ngân
- Ông Đào Nguyên Đặng
- Bà Ngô Thị Nhài

Chức vụ:

- Trưởng ban
- Thành viên
- Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội: 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển du lịch Sông Hồng: 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long: 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội;
- Chi nhánh Hải Dương: xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 03 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



TẠ MINH HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		312,298,231,071	345,423,662,612
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	287,859,680,022	278,412,903,871
1. Tiền	111		16,512,545,142	13,065,768,991
2. Các khoản tương đương tiền	112		271,347,134,880	265,347,134,880
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23,394,324,248	65,874,469,861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	28,731,490,758	66,209,200,235
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	370,550,663	5,518,679,341
6. Các khoản phải thu khác	136	5.5	2,176,272,327	2,030,579,785
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(7,883,989,500)	(7,883,989,500)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	109,593,518	85,332,028
1. Hàng tồn kho	141		109,593,518	85,332,028
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		934,633,283	1,050,956,852
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	427,610,558	541,616,778
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2,317,349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nu	153		507,022,725	507,022,725
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		942,148,698,843	944,812,921,227
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		574,827,648	574,423,156
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	391,370,663	391,370,663
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	574,827,648	574,423,156
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	5.7	(391,370,663)	(391,370,663)

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 03 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
II. Tài sản cố định	220		66,625,139,367	68,086,663,743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	66,349,045,383	67,793,139,453
- Nguyên giá	222		110,172,718,053	110,172,718,053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43,823,672,670)	(42,379,578,600)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	276,093,984	293,524,290
- Nguyên giá	228		557,769,800	557,769,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(281,675,816)	(264,245,510)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	55,598,724,985	56,400,537,031
- Nguyên giá	231		76,512,738,141	76,512,738,141
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(20,914,013,156)	(20,112,201,110)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45,840,350,639	45,750,350,639
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	45,840,350,639	45,750,350,639
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	770,257,565,353	770,257,565,353
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		887,843,237,620	887,843,237,620
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1,598,916,518	1,598,916,518
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(119,184,588,785)	(119,184,588,785)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3,252,090,851	3,743,381,305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	3,252,090,851	3,743,381,305
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,254,446,929,914	1,290,236,583,839

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 03 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24,987,619,447	63,532,679,003
I. Nợ ngắn hạn	310		11,242,234,677	49,441,677,641
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	8,470,777,267	30,084,851,537
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	98,398,384	126,638,663
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	968,353,170	191,382,023
4. Phải trả người lao động	314		309,272,968	1,100,897,222
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	112,798,310	346,671,112
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		855,104,544	620,393,632
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	423,074,865	1,461,144,713
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	-	15,500,545,570
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,455,169	9,153,169
II. Nợ dài hạn	330		13,745,384,770	14,091,001,362
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	8,256,346,422	8,602,963,014
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	5,489,038,348	5,488,038,348
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,229,459,310,467	1,226,703,904,836
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	1,229,459,310,467	1,226,703,904,836
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,228,000,000,000	1,228,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,228,000,000,000	1,228,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,887,650	21,887,650
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1,437,422,817	(1,317,982,814)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ t.	421a		(1,317,982,814)	(6,822,276,635)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,755,405,631	5,504,293,821
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,254,446,929,914	1,290,236,583,839

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 Năm 2018

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Quý 1/2018	Quý 1/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21,960,900,862	10,393,086,868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21,960,900,862	10,393,086,868
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	16,442,166,327	5,133,722,948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,518,734,535	5,259,363,920
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3,151,144,866	2,284,179,660
7. Chi phí tài chính	22	6.4	109,897,511	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109,198,462	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	4,311,595,031	5,192,451,372
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	1,499,709,064	2,154,471,060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,748,677,795	196,621,148
11. Thu nhập khác	31	6.5	9,847,581	186,191,728
12. Chi phí khác	32	6.6	3,119,745	-
13. Lợi nhuận khác	40		6,727,836	186,191,728
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,755,405,631	382,812,876
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,755,405,631	382,812,876
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		22.44	3.12

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc




Tạ Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2018

Mẫu số B 03 – DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2018	Đơn vị tính: VND Quý 1/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,755,405,631	382,812,876
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,263,336,422	2,608,119,114
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		37,300	(1,147,946)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,487,436,322)	(2,338,803,238)
- Chi phí lãi vay	06		109,198,462	2,779,986,000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1,640,541,493	3,430,966,806
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		42,482,713,279	15,796,762,183
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24,261,490)	(66,453,604)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(23,130,508,095)	(23,945,980,479)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		605,296,674	619,704,292
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109,198,462)	(2,779,986,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	25,227,120
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4,698,000)	(1,798,794,455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21,459,885,399	(8,718,554,137)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		9,090,909	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,478,345,413	2,338,803,238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,487,436,322	2,338,803,238
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15,500,545,570)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1,018,985,457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15,500,545,570)	(1,018,985,457)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		9,446,776,151	(7,398,736,356)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		278,412,903,871	197,706,540,155
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		287,859,680,022	190,307,803,799

Người lập

Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng

Dương Thị Lam

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tạ Minh Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thăng Long GTC là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28/05/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động Công ty TNHH Một thành viên Thăng Long GTC thành Công ty Cổ phần Thăng Long GTC.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000220 ngày 01 tháng 09 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần Thăng Long GTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 mã số doanh nghiệp 0100107388 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.228.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn hai trăm hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường bộ, đường sông; Kinh doanh các dịch vụ du lịch; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ, hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao, dịch vụ sauna, xoa bóp (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp;
- Kinh doanh siêu thị;
- Kinh doanh hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, công nghệ phẩm, điện máy, thực phẩm ăn uống, đại lý tiêu thụ hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- Kinh doanh lương thực và chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ, bách hóa, hàng may mặc, hàng nông sản, thực phẩm chế biến, rượu, thuốc lá, vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ cho xây dựng và các phương tiện vận tải công nghiệp, dân dụng; hóa chất và các vật tư về hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm), thiết bị văn phòng;
- Kinh doanh dịch vụ kho vận, giao nhận, vận chuyển hàng hóa nội địa và kinh doanh quốc tế;
- Đại lý vé máy bay;
- Đại lý bán cước vận tải hàng hóa cho các hãng tàu biển, hàng không trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng làm việc; dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc cho các đối tượng trong và ngoài nước;
- Sản xuất, mua bán và thiết kế các loại bao bì bằng giấy nhựa, thiết kế trang trí và sản xuất đồ nội thất cho nhà ở và văn phòng;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo và dịch vụ xúc tiến thương mại;
- Tổ chức hội thảo, đào tạo chuyên ngành dịch vụ và thương mại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, cấp thoát nước và cơ sở hạ tầng trong ngành du lịch và ngoài ngành;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu du lịch, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, khách sạn (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô, xích lô, xe máy, xe đạp./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại số 113-115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Công ty có 04 đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Khách sạn Eastin Easy GTC – Hà Nội: 27 Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội;
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển du lịch Sông Hồng: 42 Chương Dương Độ, Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Xí nghiệp Xây dựng và Nội thất Thăng Long: 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội;
- Chi nhánh Hải Dương: xã Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty cổ phần từ ngày 04/03/2016 đến ngày 31/12/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ phải thu có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42 năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 18 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm máy tính	03 năm
-------------------	--------

4.7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Việc khấu hao bất động sản đầu tư thực hiện như sau:

- Đối với bất động sản đầu tư cho thuê: Thực hiện tính khấu hao như qui định;
- Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá: Không tính khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

4.11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả người bán của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.12. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (v) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp, dịch vụ du lịch lữ hành và kinh doanh khách sạn nên thuế suất thuế GTGT đối với các hoạt động của Công ty sẽ bao gồm không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2018	01/01/2018
Tiền mặt	220,186,118	207,438,084
Tiền gửi ngân hàng	16,292,359,024	12,858,330,907
- Tiền gửi VND	11,916,469,247	9,220,951,492
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	82,465,687	82,293,078
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	6,548,357,809	2,859,228,424
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Sở giao dịch	5,285,645,751	6,279,429,990
- Tiền gửi USD	3,277,613,758	3,342,919,099
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4,404,617	4,479,737
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	3,117,658,377	3,182,813,539
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	155,550,764	155,625,823
- Tiền EUR	1,098,276,019	294,460,316
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	1,098,276,019	294,460,316
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	271,347,134,880	265,347,134,880
Cộng	287,859,680,022	278,412,903,871

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 – 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh

- Công ty Liên doanh Đại Chân Trời (1)

- Công ty Phát triển Du Lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (2)

- Công ty TNHH TMQT & DV siêu thị Big C Thăng Long (3)

- Công ty TNHH Khách sạn Nhà hát Opera (4)

- Công ty TNHH Thăng Long Property (5)

- Công ty TNHH Pacific Thăng Long (6)

- Đầu tư vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Đầu tư Thủ Đô (7)

- Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi (8)

Cộng

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường.

Mẫu số B09a - DN

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	887,843,237,620	(119,184,588,785)	887,843,237,620	(119,184,588,785)
	14,886,875,558	(9,615,939,192)	14,886,875,558	(9,615,939,192)
	139,146,074,838	(109,568,649,593)	139,146,074,838	(109,568,649,593)
	316,751,841,568	-	316,751,841,568	-
	203,401,576,784	-	203,401,576,784	-
	108,901,688,268	-	108,901,688,268	-
	104,755,180,604	-	104,755,180,604	-
	1,598,916,518	-	8,762,334,755	-
	-	-	7,163,418,237	-
	1,598,916,518	-	1,598,916,518	-
Cộng	889,442,154,138	-	(119,184,588,785)	896,605,572,375
				(119,184,588,785)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B09a - DN**5.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

- (1): Theo Hợp đồng liên doanh Công ty Liên doanh Đại Chấn Trời tháng 10/1994, Giấy phép đầu tư số 1189/GP ngày 05/04/1995 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Công ty góp 588.000 USD chiếm 30% vốn điều lệ cùng với Công ty United Land & Trading Pte., Ltd (Singapore) nhằm xây dựng khu nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại tại 157 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 14.886.875.558 VND.
- (2): Theo Hợp đồng liên doanh với Công ty T.P.C Development Ltd (Hong Kong) ngày 09/02/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000080 chứng nhận lần đầu ngày 15/08/2007 và thay đổi lần thứ nhất ngày 22/01/2009, Công ty góp 25% vốn điều lệ, trị giá 6.951.448 USD bằng quyền sử dụng 7.899 m² đất và 24.088 m² mặt nước Hồ Tây trong thời gian 40 năm kể từ 02/07/1991 trị giá 4.551.448 USD, chi phí đền bù và ghi nhận lợi thế địa điểm bằng 2.260.000 USD nhằm đầu tư, xây dựng khách sạn Intercontinental West Lake Hà Nội tại thôn Nghi Tàm, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 139.146.074.838 VND.
- (3): Theo Hợp đồng liên doanh với Vindemia SAS ngày 19/11/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000197 chứng nhận lần đầu ngày 23/12/2008 và thay đổi lần 5 ngày 07/10/2014 do UBND thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 3.822.514 USD, chiếm 35% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng dự án Espace Big C Thăng Long. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 316.751.841.568 VND.
- (5): Theo Hợp đồng liên doanh Công ty TNHH Thăng Long Property ngày 13/10/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000132 chứng nhận lần đầu ngày 09/05/2008, thay đổi lần thứ tư ngày 26/07/2010 do UBND Thành phố Hà Nội cấp, Công ty góp 5.250.000 USD, chiếm 35% vốn điều lệ, cùng Vindemia Property Ltd đầu tư, xây dựng và kinh doanh một tổ hợp tòa nhà văn phòng khách sạn và dịch vụ phụ trợ tại góc phố Trần Duy Hưng và đường vành đai 3, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 108.901.688.268 VND.
- (6): Theo Hợp đồng liên doanh với Janakpur Limited ngày 14/07/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000108 cấp lần đầu ngày 31/12/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/06/2011, Công ty góp 4.930.000 USD, chiếm 29% vốn điều lệ nhằm đầu tư, xây dựng khu phức hợp Giảng võ tại 15 -17 Ngọc Khánh, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 104.755.180.604 VND.
- (7) Thăng Long GTC chiếm 5,2% vốn điều lệ, tương đương 1.300.000.000 VND tại Công ty CP Hà Nội Tourist Taxi. Tại thời điểm cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại là 1.598.916.518 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2018	01/01/2018
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	28,731,490,758	66,209,200,235
Văn phòng công ty	27,183,079,128	64,807,605,420
- Công ty TNHH Hòa Bình	8,069,808,565	46,062,679,150
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	13,082,800,000	11,908,000,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6,030,470,563	6,836,926,270
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	586,411,630	489,594,815
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	912,000,000	912,000,000
Chi nhánh Hải Dương	50,000,000	
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
Văn phòng công ty	391,370,663	391,370,663
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội	241,728,763	241,728,763
- Phạm Thanh Thủy - Thuê nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149,641,900	149,641,900

5.4 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2018	01/01/2018
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	370,550,663	5,518,679,341
Văn phòng Công ty	280,938,610	5,518,679,341
- Công ty CP Đầu tư và Lắp đặt Thiết bị Công nghệ An Bình	164,938,610	164,938,610
- ERFURTER MALZWERKE GMBH		5,237,740,731
- Các đối tượng khác	116,000,000	116,000,000
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	24,612,053	
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	65,000,000	
b) Trả trước cho người bán dài hạn		

5.5 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2,176,272,327	-	2,030,579,785	-
- Tạm ứng	183,137,301		20,750,000	
- Phải trả, phải nộp khác	193,213		517,665	
- Phải thu khác	1,992,941,813		2,009,312,120	
b) Dài hạn	574,827,648	-	574,423,156	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	574,827,648		574,423,156	
c) Phải thu khác là các bên liên quan				

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	69,341,542	-	47,080,886	-
Hàng hóa	40,251,976		38,251,142	
Cộng	109,593,518	-	85,332,028	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Địa chỉ: Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

5.7 NỢ XẤU

Mẫu số B09a - DN

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu						
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam	10,306,000,000	3,563,400,000	(6,742,600,000)	10,306,000,000	3,563,400,000	(6,742,600,000)
- Cty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội	241,728,763	-	(241,728,763)	241,728,763	-	(241,728,763)
- Phạm Thanh Thủy - Thuê nhà số 3 - 110 Cầu Giấy	149,641,900	-	(149,641,900)	149,641,900	-	(149,641,900)
- Công ty CP Âm thực Vui chơi Giải trí 199	22,000,000	15,400,000	(6,600,000)	22,000,000	15,400,000	(6,600,000)
- Công ty CP Tập đoàn Nhất Thống	3,117,555,000	2,093,215,500	(1,024,339,500)	3,117,555,000	2,093,215,500	(1,024,339,500)
- Công ty TNHH Bất Động Sản Việt Nam	88,000,000	61,600,000	(26,400,000)	88,000,000	61,600,000	(26,400,000)
- Công ty TNHH Dịch vụ Hoàng Hà	3,500,000	2,450,000	(1,050,000)	3,500,000	2,450,000	(1,050,000)
- Công ty TNHH Hùng Anh - HĐ san nền giai đoạn 2	83,000,000	-	(83,000,000)	83,000,000	-	(83,000,000)
Cộng	14,011,425,663	5,736,065,500	(8,275,360,163)	14,011,425,663	5,736,065,500	(8,275,360,163)

Độc lập và khách quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

5.8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83,578,526,840	12,005,134,051	14,241,886,594	347,170,568	110,172,718,053
Tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tăng khác (*)					
Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	83,578,526,840	12,005,134,051	14,241,886,594	347,170,568	110,172,718,053
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28,617,114,567	5,740,971,258	7,701,888,262	319,604,513	42,379,578,600
Tăng trong năm	902,961,543	273,470,271	266,581,005	1,081,251	1,444,094,070
- Số khấu hao trong năm	902,961,543	273,470,271	266,581,005	1,081,251	1,444,094,070
- Tăng khác					
Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
Số dư cuối năm	29,520,076,110	6,014,441,529	7,968,469,267	320,685,764	43,823,672,670
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	54,961,412,273	6,264,162,793	6,539,998,332	27,566,055	67,793,139,453
2. Tại ngày cuối năm	54,058,450,730	5,990,692,522	6,273,417,327	26,484,804	66,349,045,383

CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

5.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	-	557,769,800	-	557,769,800
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	557,769,800	-	557,769,800
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	264,245,510	-	264,245,510
Tăng trong năm	-	-	-	17,430,306	-	17,430,306
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	-	17,430,306	-	17,430,306
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	281,675,816	-	281,675,816
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	293,524,290	-	293,524,290
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	276,093,984	-	276,093,984

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.10. TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ **OK**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	76,512,738,141	-	-	76,512,738,141
Nhà và QSD đất	76,512,738,141			76,512,738,141
Giá trị hao mòn lũy kế	20,112,201,110	801,812,046	-	20,914,013,156
Nhà và QSD đất	20,112,201,110	801,812,046		20,914,013,156
Giá trị còn lại	56,400,537,031	(801,812,046)	-	55,598,724,985
Nhà và QSD đất	56,400,537,031	(801,812,046)	-	55,598,724,985

5.11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	427,610,558	541,616,778
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	200,514,218	199,352,857
- Các khoản khác (Nêu chi tiết nếu có giá trị lớn)	227,096,340	342,263,921
b) Dài hạn	3,252,090,851	3,743,381,305
- Chi phí thuê đất 94 Lý Thường Kiệt	271,450,200	339,312,750
- Lợi thế kinh doanh	229,000,888	291,455,677
- Chi phí cải tạo khu nhà ở 15-17 Ngọc Khánh	1,562,951,278	1,844,898,073
- Chi phí cải tạo tòa nhà 115 Lê Duẩn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	225,153,621	245,054,964
- Chi phí trả trước dài hạn khác	963,534,864	1,022,659,841
Cộng	3,679,701,409	4,284,998,083

5.12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2018	01/01/2018
Sửa chữa lớn tài sản cố định		
Xây dựng cơ bản dở dang	45,840,350,639	45,750,350,639
+ Chung cư C4 Xuân Đình	45,344,319,470	45,299,319,470
+ M2 Huỳnh Thúc Kháng	496,031,169	451,031,169
Cộng	45,840,350,639	45,750,350,639

5.13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8,470,777,267	8,470,777,267	30,084,851,537	30,084,851,537
Văn phòng Công ty	7,975,667,421	7,975,667,421	29,435,066,423	29,435,066,423
- Guangzhou Malting Co.ltd	7,022,963,369	7,022,963,369	28,128,110,534	28,128,110,534
- Các đối tượng khác	952,704,052	952,704,052	1,306,955,889	1,306,955,889
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	421,303,290	421,303,290	598,099,118	598,099,118
Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	73,806,556	73,806,556	51,685,996	51,685,996
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/03/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước	98,398,384	98,398,384	126,638,663	126,638,663
Văn phòng Công ty	83,384	83,384	82,988	82,988
Khách sạn Eastin Easy GTC -	58,315,000	58,315,000	86,555,675	86,555,675

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Đơn vị tính: VND

Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	40,000,000	40,000,000		0
Chi nhánh Hải Dương		0	40,000,000	40,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

5.15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	191,382,023	2,857,327,582	2,080,356,435	968,353,170
- Thuế GTGT	136,221,825	2,179,285,419	2,002,239,664	313,267,580
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	134,232	14,262,220	1,587,222	12,809,230
- Thuế TNCN	54,898,447	25,599,687	56,795,889	23,702,245
- Tiền thuế đất	-	608,186,131	4,062,783	604,123,348
- Các loại thuế khác	127,519	29,994,125	15,670,877	14,450,767
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế TNDN	507,022,725	-	-	507,022,725

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	112,798,310	346,671,112
- Trích trước chi phí lãi vay	49,798,310	283,671,112
- Các khoản trích trước khác	63,000,000	63,000,000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	112,798,310	346,671,112

5.17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	423,074,865	1,461,144,713
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	19,497,931	6,786,530
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	386,210,795	1,374,741,516
b) Dài hạn	5,489,038,348	5,488,038,348
- Khoản vay Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm (70.000 USD) (*)	1,595,300,000	1,595,300,000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3,893,738,348	3,892,738,348

c) Phải trả người bán là các bên liên quan**d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

(*) Theo xác nhận công nợ phải trả Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm, Công ty Phát triển Du lịch Hữu hạn Làng Nghi Tâm không đồng ý số dư công nợ trên và cho rằng, số tiền Công ty CP Thăng Long GTC phải trả là: 100.000 USD. Đến thời điểm lập báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được số dư công nợ. Tuy nhiên, nghĩa vụ phải trả với Công ty Nghi Tâm 70.000 USD đã được phê duyệt theo Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 28 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

5.18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/03/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	855,104,544	620,393,632
Văn phòng Công ty	855,104,544	620,393,632
Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	-	-
b) Dài hạn	8,256,346,422	8,602,963,014
Văn phòng Công ty	8,256,346,422	8,602,963,014
- Công ty TNHH Prodigy Pacific Việt Nam - Cho thuê tài sản 94 Lý Thường Kiệt	8,256,346,422	8,602,963,014
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THẮNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN**5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	31/03/2018		Trong kỳ		01/01/2018
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	-	15,500,545,570	15,500,545,570
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	-	-		15,500,545,570	15,500,545,570
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	15,500,545,570	15,500,545,570

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/135194/HĐTD ngày 17/07/2017, thời hạn các khoản vay thường là 3 tháng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C.

- Thời hạn cấp hạn mức: Đến hết ngày 30/06/2018. Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;

- Biên pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/135194/2016/HĐBĐ ký ngày 24/08/2016 giữa Công ty Thăng Long GTC và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

5.20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	1,228,000,000,000	21,887,650		(6,822,276,635)	1,221,199,611,015
Tăng vốn năm trước					-
Tăng khác				5,504,293,821	5,504,293,821
Lỗ trong năm trước					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	1,228,000,000,000	21,887,650	-	(1,317,982,814)	1,226,703,904,836
Tăng vốn trong năm nay					-
Lãi trong quý này				2,755,405,631	2,755,405,631
Tăng khác					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	1,228,000,000,000	21,887,650	-	1,437,422,817	1,229,459,310,467
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu					
- Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	Tỷ lệ	31/12/2017	Tỷ lệ	01/01/2017	
- Công ty TNHH Thương Lũng Vua	45.19%	554,985,000,000	45.19%	554,985,000,000	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngân Anh	27.03%	331,864,000,000	27.03%	331,864,000,000	
- Các đối tượng khác	27.44%	336,968,000,000	27.44%	336,968,000,000	
	0.34%	4,183,000,000	0.34%	4,183,000,000	
Cộng	100%	1,228,000,000,000	100%	1,228,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1,228,000,000,000	1,228,000,000,000
- Vốn góp cuối năm	1,228,000,000,000	1,228,000,000,000

d) Cổ phiếu

	31/03/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	122,800,000	122,800,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	122,800,000	122,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	122,800,000	122,800,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	122,800,000	122,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	122,800,000	122,800,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.44	3.12

đ) Cổ tức**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/03/2018	01/01/2018
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4,455,169	9,153,169

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.21. CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
a) Doanh thu	21,960,900,862	10,393,086,868
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	-	-
- Văn phòng Công ty	18,665,669,424	6,969,641,976
- Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	2,500,532,816	2,680,968,528
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	709,019,091	742,476,364
- Chi nhánh Hải Dương	85,679,531	
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Cộng	21,960,900,862	10,393,086,868

6.2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	16,442,166,327	-
- Văn phòng Công ty	14,534,277,464	3,320,718,419
- Khách sạn Eastin Easy GTC - Hà Nội	1,632,479,513	1,568,397,778
- Xí nghiệp Đầu tư và Phát triển Du lịch Sông Hồng	271,756,226	244,606,751
- Chi nhánh Hải Dương	3,653,124	
Cộng	16,442,166,327	5,133,722,948

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

6.3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Lãi tiền gửi	3,439,345,413	2,204,013,764
Lãi từ hoạt động đầu tư		
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(327,200,547)	(54,623,578)
Cổ tức, lợi nhuận nhận được		95,789,474
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39,000,000	39,000,000
Cộng	3,151,144,866	2,284,179,660

6.4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
Lãi tiền vay	109,198,462	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	699,049	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		
Cộng	109,897,511	-

6.5 . THU NHẬP KHÁC

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9,090,909	
- Các khoản khác	756,672	186,191,728
Cộng	9,847,581	186,191,728

6.6 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
- Các khoản khác	3,119,745	
Cộng	3,119,745	-

6.7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2018	Quý 1/2017
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	1,499,709,064	2,154,471,060
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm	4,311,595,031	5,192,451,372
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doan	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG LONG GTC

Số 113 - 115 Lê Duẩn, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Trần Thị Bích Ngọc

Kế toán trưởng



Dương Thị Lam

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Tạ Minh Hùng

C P ICM